

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Krông Kmar,
huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 30/01/2008, Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 05/02/2015, Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 52/TTr-SXD ngày 15/4/2021 và Báo cáo thẩm định số 162/BC-SXD ngày 15/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh Bảng Cơ cấu sử dụng đất trung tâm thị trấn và Bảng Cơ cấu sử dụng đất khu dân dụng trong khu trung tâm thị trấn tại khoản 1 Điều 1 Quyết định

số 3870/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 như sau:

“- Cơ cấu sử dụng đất trung tâm thị trấn:

| STT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---|----------------|---------------|
| I | Đất khu dân dụng | 227,59 | 82,28 |
| 1 | Đất ở | 139,63 | 50,48 |
| 2 | Đất công trình công cộng | 15,66 | 5,66 |
| 3 | Đất cây xanh - thể dục thể thao | 7,42 | 2,68 |
| 4 | Đất giao thông nội bộ | 64,88 | 23,46 |
| II | Đất ngoài khu dân dụng | 40,86 | 14,77 |
| 1 | Đất giao thông đối ngoại | 8,41 | 3,04 |
| 2 | Bến xe | 0,43 | 0,16 |
| 3 | Đất nghỉ dưỡng, giải trí | 4,65 | 1,68 |
| 4 | Đất mặt nước | 5,12 | 1,85 |
| 5 | Đất rừng phòng hộ | 18,87 | 6,82 |
| 6 | Đất nương thủy lợi | 3,38 | 1,22 |
| III | Đất khác | 8,15 | 2,95 |
| 1 | Đất dự phòng phát triển công cộng - dịch vụ | 4,01 | 1,45 |
| 2 | Đất quy hoạch bờ kè | 4,14 | 1,50 |
| | Tổng cộng | 276,6 | 100,00 |

- Cơ cấu sử dụng đất khu dân dụng trong khu trung tâm thị trấn:

| STT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------------|----------------|---------------|
| 1 | Đất ở | 139,63 | 61,35 |
| 2 | Đất công trình công cộng | 15,66 | 6,88 |
| 3 | Đất cây xanh - thể dục thể thao | 7,42 | 3,26 |
| 4 | Đất giao thông nội bộ | 64,88 | 28,51 |
| | Tổng cộng | 227,59 | 100,00 |

(Chi tiết nội dung điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo)

2. Các nội dung khác không điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo các Quyết định số: 255/QĐ-UBND ngày 30/01/2008, 342/QĐ-UBND ngày 05/02/2015, 165/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 và 3870/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh và các văn bản có liên quan.

Điều 2. UBND huyện Krông Bông có trách nhiệm, thông báo nội dung điều chỉnh nêu trên để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Krông Bông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(V-5).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục**CHI TIẾT NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh khu đất quy hoạch đất trụ sở UBND thị trấn Krông Kmar - Trụ sở Công an thị trấn tại ô đất ký hiệu CQ103, từ đất quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc của UBND thị trấn sang đất xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc huyện (ký hiệu CQ116) và đất ở đô thị (ký hiệu LK144).
2. Điều chỉnh khu đất quy hoạch trường Mầm non, trường Tiểu học tại ô đất ký hiệu GD108, từ quy hoạch đất giáo dục sang đất xây dựng trụ sở UBND thị trấn Krông Kmar và trụ sở Công an thị trấn (ký hiệu CQ103).
3. Điều chỉnh khu đất quy hoạch Kho lương thực cũ tại ô đất ký hiệu CQ102, từ đất xây dựng trụ sở cơ quan sang đất ở đô thị (ký hiệu LK117).
4. Điều chỉnh khu đất quy hoạch Trung tâm thương mại tại ô đất ký hiệu CC117, từ đất xây dựng công trình công cộng sang đất ở đô thị (ký hiệu LK144).
5. Điều chỉnh khu đất quy hoạch trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện tại ô đất ký hiệu CQ104, từ đất xây dựng công trình trụ sở cơ quan sang đất giáo dục để xây dựng trường mầm non thị trấn (ký hiệu GD109).
6. Điều chỉnh khu đất quy hoạch đất công cộng dự trữ tại ô đất ký hiệu CC114, từ đất công cộng sang đất xây dựng trụ cơ quan (ký hiệu CQ108).
7. Điều chỉnh bán kính đảo giao thông tại nút giao đường Tỉnh lộ 9 - Tỉnh lộ 12 (Tôn Đức Thắng - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Huệ): R=6m.
8. Điều chỉnh đất ở đô thị LKS 102 + 144 sang đất giao thông (Nối dài đường Tôn Thất Tùng).
9. Điều chỉnh đất ở đô thị NV 108 sang đất giao thông (Nối dài đường Đinh Núp)/.